



Asset
Management

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI

Tầng 5, tòa nhà số 1C Ngô Quyền, Phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Tel: (+84) 24 3936 6321 Email: ssiam@ssi.com.vn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ ETF

Tháng 04, 2026





MỤC LỤC

I. CẬP NHẬT VĨ MÔ	3
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ ETF	5
1. Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD	5
2. Quỹ ETF SSIAM VN30	8
3. Quỹ ETF SSIAM VNX50	10

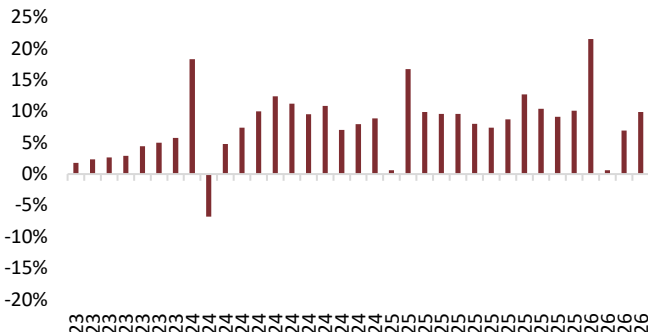
CẬP NHẬT VĨ MÔ – THÁNG 4 2026

Áp lực lạm phát đang gia tăng trong tháng 4

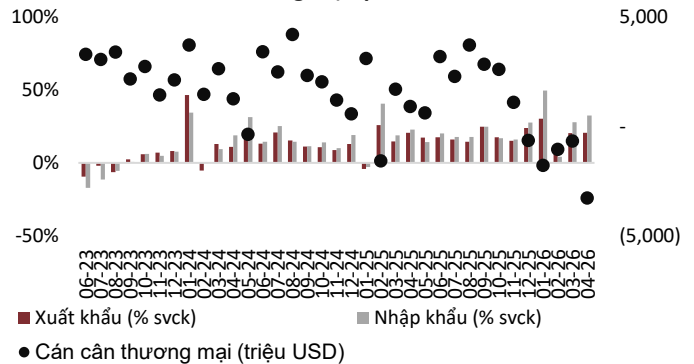
Hoạt động sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam trong tháng 4/2026 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng vững chắc, dù cơ cấu đang dịch chuyển theo hướng cân bằng hơn và dựa nhiều hơn vào cầu nội địa. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 9.2% svck trong 4 tháng đầu năm, riêng tháng 4 tăng 9.9%, chủ yếu nhờ khu vực chế biến – chế tạo. Đáng chú ý, chu kỳ công nghiệp đang mở rộng ra ngoài trụ cột truyền thống là điện tử xuất khẩu, dù kim ngạch xuất khẩu máy tính và thiết bị điện tử vẫn tăng mạnh 49.1%, sang các ngành có tính chu kỳ cao và gắn chặt hơn với nhu cầu trong nước như hóa chất (+20.6%), kim loại (+18.7%) và vật liệu xây dựng (+17.9%). Điều này phản ánh vai trò ngày càng rõ nét của đầu tư và xây dựng trong cấu trúc tăng trưởng. Về thương mại, xuất khẩu tháng 4 đạt 45.4 tỷ USD (+21.0% svck), đưa tăng trưởng xuất khẩu 4 tháng lên 19.7%. Tuy nhiên, động lực tăng trưởng vẫn chủ yếu đến từ khu vực FDI, với mức tăng 29.2% trong tháng 4, trong khi xuất khẩu của khối doanh nghiệp trong nước giảm 4.2%. Cán cân thương mại thâm hụt 3.3 tỷ USD trong tháng, nâng mức thâm hụt lũy kế 4 tháng lên 7.1 tỷ USD. Thay vì phản ánh sự suy yếu về năng lực cạnh tranh, mức thâm hụt này gắn chặt với chu kỳ đầu tư hiện tại, thể hiện qua nhập khẩu tăng mạnh 28.7%, chủ yếu tập trung vào vật liệu sản xuất và hàng trung gian. Dù vậy, một số rủi ro mới đang hình thành: PMI tháng 4 ghi nhận số đơn hàng mới lần đầu giảm sau tám tháng, khi chi phí vận tải và nguyên vật liệu đầu vào bắt đầu gây sức ép lên cầu.

Đầu tư tiếp tục đóng vai trò hai “đầu tàu” của nền kinh tế. Giải ngân đầu tư công tăng 10.4% svck, đạt 5.8 tỷ USD, tương đương 19.7% kế hoạch năm, với những tín hiệu ban đầu cho thấy năng lực thực thi ở cấp địa phương đang được cải thiện. Song song đó, FDI tiếp tục củng cố chu kỳ tăng trưởng. Trong 4T26, vốn FDI đăng ký tăng mạnh 32,0% svck lên 18.2 tỷ USD, dẫn đầu là Singapore (40.3%) và Hàn Quốc (26.1%), trong khi vốn FDI giải ngân tăng vững 9.8% lên 7.4 tỷ USD. Sự kết hợp tích cực giữa vốn nhà nước và vốn ngoại cho thấy chu kỳ tăng trưởng tổng thể vẫn được duy trì vững chắc.

Chỉ số IP (% svck)



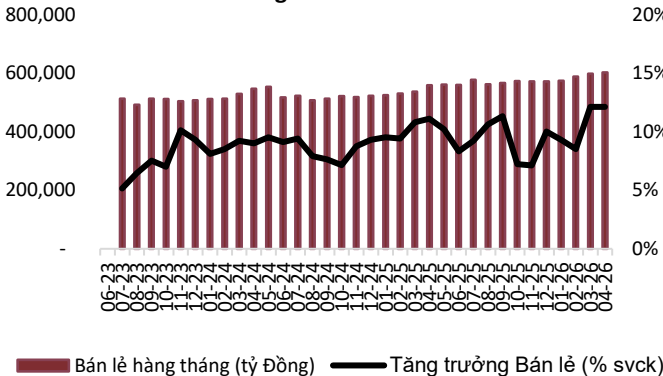
Thương mại quốc tế



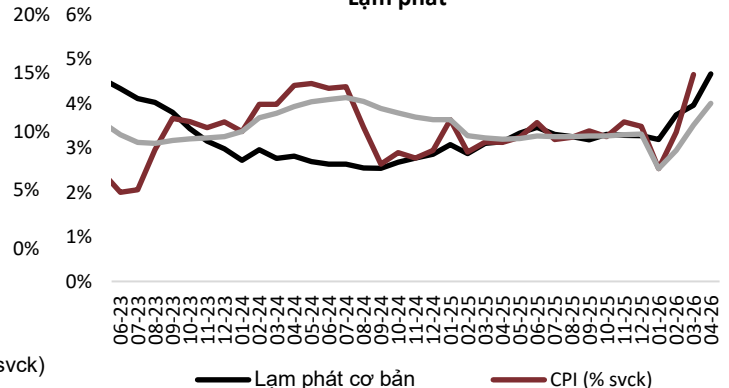
Về tiêu dùng, doanh thu bán lẻ phản ánh bức tranh có sức chống chịu tốt, song đà tăng thực chất vẫn ở mức vừa phải chứ chưa có dấu hiệu bùng nổ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 11.1% svck trong 4T26 (tương đương khoảng 6.3% tính theo giá thực), riêng tháng 4 ghi nhận mức tăng cao hơn ở 12.1%. Sự ổn định này được hỗ trợ đáng kể bởi đà phục hồi mạnh mẽ của ngành dịch vụ và du lịch: doanh thu lưu trú và ăn uống tăng 13.4%, doanh thu du lịch lữ hành tăng 12.1%. Động lực quan trọng thúc đẩy sự phục hồi của khối dịch vụ là lượng khách quốc tế tăng mạnh 14.6% svck, đạt 8.8 triệu lượt trong bốn tháng đầu năm, trong đó riêng tháng 4 đón 2.0 triệu lượt (+22.8% svck). Tuy nhiên, bất chấp sự phục hồi của ngành dịch vụ, cầu tiêu dùng hộ gia đình nhìn chung vẫn bị kìm hãm rõ rệt bởi chi phí sinh hoạt leo thang, ngăn cản một cú bứt phá tiêu dùng toàn diện và quyết đoán hơn.

Lạm phát đang nổi lên như một thách thức phức tạp hơn, với áp lực ngày càng rõ ràng. CPI bình quân 4 tháng đầu năm đạt 3.99% svck, tiệm cận mục tiêu 4.5% của NHNN. Riêng tháng 4 ghi nhận mức tăng mạnh lên 5.46% svck (+0.84% so với tháng trước), cao nhất kể từ tháng 1/2020. Áp lực giá ngày càng gắn chặt với chu kỳ đầu tư và mặt bằng giá hàng hóa toàn cầu cao. Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 2.59% so với tháng trước, do giá khí tăng mạnh 35,3% cùng với chi phí vật liệu và dịch vụ tiện ích leo thang. Đà tăng giá đã lan rộng, với 10/11 nhóm hàng trong rổ CPI cùng tăng. Các tác động vòng hai hiện đã thể hiện rõ ở nhóm thực phẩm, đồ uống và thiết bị gia dụng. Lạm phát lõi tăng từ mức bình quân 3.89% lên 4.66% trong tháng 4 cho thấy quá trình chuyển chi phí đang diễn ra rõ nét và cần được theo dõi chặt chẽ hơn.

Tổng mức bán lẻ

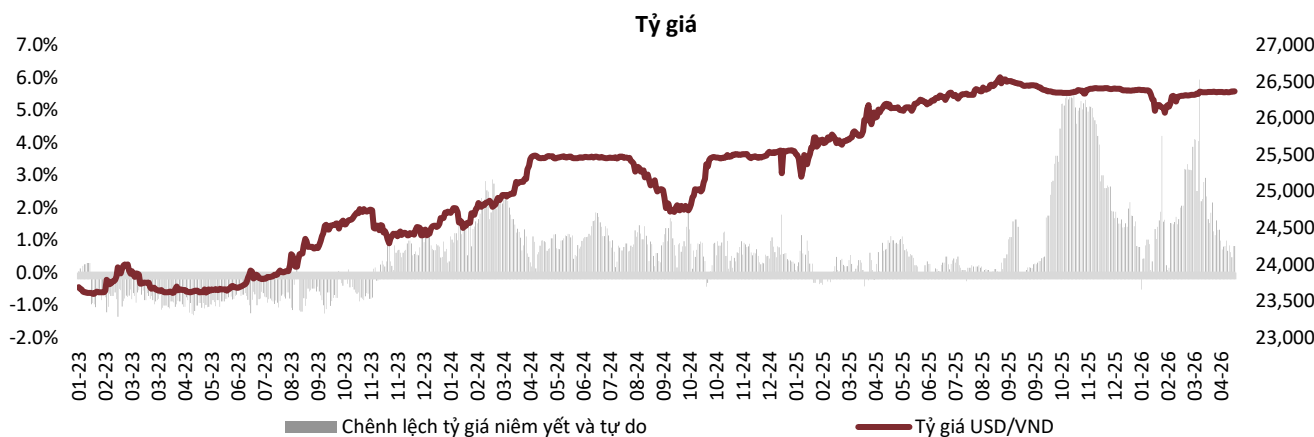


Lạm phát



CẬP NHẬT VĨ MÔ – THÁNG 4 2026

Trong tháng 4/2026, điều kiện thanh khoản hệ thống ngân hàng đã hạ nhiệt so với giai đoạn căng thẳng đầu tháng, sau khi NHNN bơm ròng 19.5 nghìn tỷ đồng qua kênh OMO. Dự nợ OMO cuối tháng tăng lên 310 nghìn tỷ đồng, giúp lãi suất qua đêm trên thị trường liên ngân hàng giảm về khoảng 6%, từ mức đỉnh gần 9%. Về lãi suất, số liệu tháng 3 cho thấy lãi suất huy động tăng nhẹ 0.1-0.3% so với tháng trước (tăng 0.2-0.9% so với đầu năm), trong khi lãi suất cho vay cũng nhích thêm 0.2-0.3%. Sau cuộc họp ngày 9/4 với Thống đốc NHNN mới, các ngân hàng thương mại đã đồng thuận điều chỉnh giảm lãi suất huy động, song các đợt giảm này vẫn mang tính cục bộ. Dự địa nổi lỏng tiền tệ diện rộng tiếp tục bị ràng buộc bởi mất cân đối cơ cấu, chi phí vốn tăng cao, cùng các rủi ro địa chính trị và chính sách thận trọng của các ngân hàng trung ương lớn. Dù vậy, trong bối cảnh đó, tỷ giá USD/VND vẫn giữ được sự ổn định đáng kể, chỉ tăng khoảng 0.2% từ đầu năm, bất chấp thâm hụt thương mại tháng 4 lên tới 3.3 tỷ USD.



TTCK Việt Nam ghi nhận sự phục hồi mạnh trong tháng 4, với VNIndex tăng 10.7% svtt và đóng cửa tại 1,854.10 điểm. Tuy nhiên, đà tăng điểm đến từ các cổ phiếu liên quan đến Vingroup (95%) - nếu loại trừ các cổ phiếu liên quan đến Vingroup (VIC, VHM, VRE, VPL), chỉ số VNI chỉ nhích nhẹ 0,5% trong tháng 4. Thanh khoản suy giảm rõ rệt, giá trị giao dịch bình quân trên HOSE giảm 25% so với tháng trước, còn khoảng 20 nghìn tỷ đồng/phiên. Đáng chú ý, khối ngoại bán ròng kỷ lục gần 14 nghìn tỷ đồng, dường như không bị tác động bởi thông tin nâng hạng FTSE công bố ngày 8/4.

Mùa đại hội cổ đông và công bố kết quả kinh doanh cho thấy nền tảng doanh nghiệp vẫn khá tích cực. Lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE trong Q1/2026 tăng tới 56% svck, dẫn đầu bởi các ngành Bất động sản, Dầu khí, Bán lẻ và Vật liệu. Ngược lại, ngành Ngân hàng – dù hút dòng tiền mạnh, chỉ ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận khoảng 13%. Do thanh khoản còn hạn chế, đà tăng của thị trường chưa lan tỏa diện rộng mà tập trung cao độ vào nhóm cổ phiếu Vingroup (VIC, VHM), trở thành động lực chính cho mức tăng 44% của ngành Bất động sản trong tháng. Ở chiều ngược lại, ngành Năng lượng ghi nhận hiệu suất kém nhất, giảm 11.7%.

Tính đến ngày 29/4, P/E toàn thị trường ở mức 14.5x, tương đương trung bình 5 năm. Nếu loại trừ nhóm Vingroup, P/E giảm xuống còn 10.2x, cho thấy mặt bằng định giá chung vẫn khá hấp dẫn. Khi mùa kết quả kinh doanh dần khép lại, tháng 5 nhiều khả năng sẽ là giai đoạn “trống thông tin”, thay vì phản ứng theo quán tính với tâm lý “Sell in May”, phù hợp để nhà đầu tư tái đánh giá nền tảng cơ bản và theo dõi sát các biến số vĩ mô then chốt như lạm phát, lãi suất, tỷ giá và diễn biến địa chính trị.

TÍNH ĐẾN 29/04/2026	1 THÁNG	3 THÁNG	TĐN	2025	TỶ TRỌNG VN-INDEX	P/E 12 tháng	P/B	ROE	BETA
Dịch vụ truyền thông	-1.6%	-9.3%	-11.9%	-16.3%	0.1%	9.1	0.9	11.7	0.6
Hàng tiêu dùng KTY	0.7%	-9.1%	-5.2%	13.3%	4.4%	11.4	2.9	22.8	1.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	-0.7%	-10.6%	-9.8%	3.1%	7.1%	15.9	3.1	20.4	0.7
Năng lượng	-11.7%	-9.6%	28.2%	7.9%	2.3%	18.7	1.7	9.5	1.0
Tài chính	1.8%	-8.0%	0.2%	21.4%	36.5%	9.6	1.5	17.1	0.9
Chăm sóc sức khỏe	-5.3%	-7.4%	-3.8%	1.1%	0.4%	19.2	2.1	11.8	0.5
Công nghiệp	0.3%	-2.0%	-7.9%	36.3%	7.1%	14.7	2.0	12.4	0.9
Công nghệ thông tin	0.4%	-26.6%	-19.4%	-26.4%	1.7%	13.5	3.1	24.9	0.8
Nguyên vật liệu	1.5%	-4.3%	9.1%	-0.5%	6.0%	6.6	1.7	9.5	1.0
Bất động sản	44.1%	37.5%	18.3%	230.3%	30.7%	26.3	3.8	15.1	1.3
Tiện ích	-3.3%	-24.8%	2.9%	6.7%	3.7%	12.2	1.8	16.2	0.7
VN-Index	10.7%	1.4%	3.9%	44.4%	100%	14.5	2.1	15.3	1.0
VN30	10.6%	-0.3%	-0.4%	50.9%		13.4	2.2	17.1	

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ ETF

1. QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD

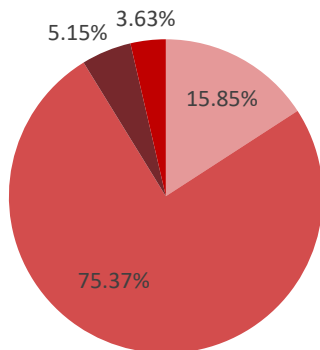
THÔNG TIN QUỸ TẠI NGÀY 30/04/2026

TÊN QUỸ	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD
MÃ QUỸ	FUESSVFL
LOẠI HÌNH	Quỹ hoán đổi danh mục
CHỈ SỐ THAM CHIẾU	VNFIN LEAD Index
NGÀY THÀNH LẬP	24/02/2020
SÀN NIÊM YẾT	Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX)
QUY MÔ QUỸ	552.76 Tỷ VND (~20.97 triệu USD)
ĐẠI LÝ CHUYỂN NHƯỢNG	Tổng Công Ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam (VSDC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)
GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ	0.65%
TỔNG SỐ LƯỢNG CCQ LƯU HÀNH	18,800,000
THÀNH VIÊN LẬP QUỸ	SSI, MAS, BSC, VIETCAP, BVSC, HSC, KIS
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ	Vietcombank – Hội sở

CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	23
HỆ SỐ P/E	8.56x
HỆ SỐ P/B	1.41x

CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH



- Công ty chứng khoán
- Ngân hàng TM
- Ngân hàng TM thuộc sở hữu Nhà nước
- Tiền

MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VNFIN LEAD trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động và đầu tư vào các cổ phiếu cấu thành chỉ số VNFIN LEAD. Quỹ không hướng tới đạt hiệu quả vượt trội so với Chỉ số VNFIN LEAD hoặc đưa ra các biện pháp phòng thủ khi TTCK Việt Nam giảm điểm.

Với việc đầu tư thụ động, Quỹ có thể duy trì tỷ lệ vòng quay danh mục thấp hơn các quỹ có chiến lược đầu tư chủ động, từ đó giảm chi phí hoạt động cho Quỹ.

CHỈ SỐ THAM CHIẾU – VNFIN LEAD INDEX

Chỉ số VNFIN LEAD là chỉ số bao gồm tối thiểu 10 cổ phiếu, được lựa chọn từ các cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số ngành tài chính. VNFIN Share Financials index (viết tắt VNFIN) đạt tiêu chí lựa chọn với giới hạn tỷ trọng 15% đối với cổ phiếu đơn lẻ, có giá trị giao dịch tối thiểu 10 tỷ đồng và tỷ suất quay vòng tối thiểu 0,1%.

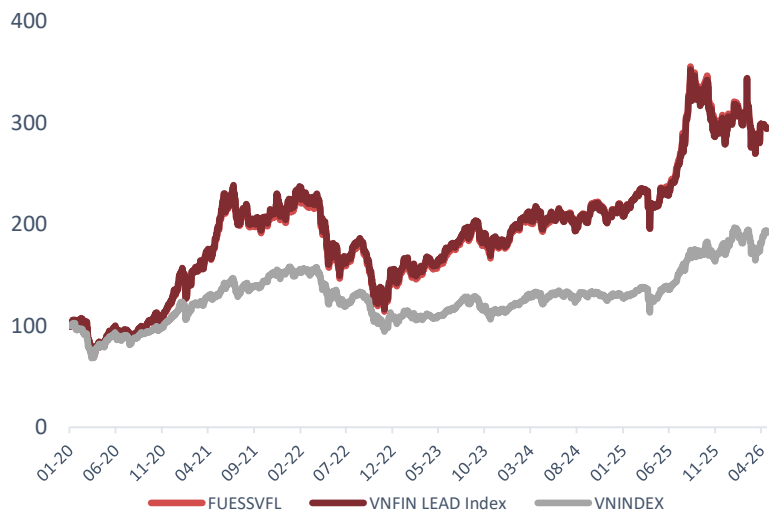
Chỉ số VNFIN LEAD đại diện cho trên 30% vốn hóa của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chỉ số được xem xét điều chỉnh theo khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng định kỳ 3 tháng/lần và các cổ phiếu thành phần 6 tháng/lần.

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

	NAV/CCQ (đồng)	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày thành lập
FUESSVFL	29,402.34	2.21%	-5.42%	-3.68%	194.02%
VNFIN LEAD Index	2,887.15	2.31%	-5.02%	-2.83%	194.12%

Dữ liệu hoạt động đề cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả trong tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.



1. QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD (tiếp theo)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ

Chỉ số VNFIN LEAD tăng 2,31% trong tháng 4, tương ứng quỹ FUESSVFL ghi nhận mức tăng 2,21%. Tính từ đầu năm 2026, chỉ số VNFIN LEAD giảm 2,83% trong khi hiệu quả hoạt động của quỹ FUESSVFL ghi nhận mức giảm 3,68%.

VN-Index phục hồi mạnh 10,7% trong tháng 4, tuy nhiên đà tăng vẫn mang tính chọn lọc cao. Đối với FUESSVFL, hiệu quả hoạt động chủ yếu được dẫn dắt bởi nhóm ngân hàng, chiếm khoảng 83% tỷ trọng bình quân danh mục và đóng góp khoảng 2,02 điểm % vào mức sinh lời trong tháng.

(1) Các mã đóng góp tích cực nổi bật gồm TCB, STB, HDB và LPB, trong khi VCB cũng đóng góp tích cực trong tháng.

(2) Ở chiều ngược lại, SHB, MBB, EIB và VPB là các mã làm giảm bớt mức tăng chung, cho thấy diễn biến trong nhóm tài chính vẫn có sự phân hóa.

(3) Nền tảng cơ bản của ngành vẫn tương đối tích cực, với lợi nhuận quý 1/2026 của các ngân hàng niêm yết duy trì tăng trưởng tốt và tín dụng toàn hệ thống tăng 3,18% tính đến ngày 31/03/2026, dù áp lực bán ròng của khối ngoại và thanh khoản thắt chặt vẫn ảnh hưởng đến tâm lý thị trường.

Nhìn chung, FUESSVFL ghi nhận mức sinh lời dương trong tháng 4 và tiếp tục bám sát chỉ số tham chiếu, với động lực chính đến từ nền tảng cơ bản tích cực của nhóm ngân hàng và sự phục hồi có chọn lọc của các cổ phiếu tài chính.

1. QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD (tiếp theo)

DANH MỤC ĐẦU TƯ QUỸ (%NAV)

STT	Mã	Tên công ty	Tỷ trọng (%)	Vốn hóa (triệu VND)	FOL	ROE (%)	ROA (%)	YTD 2025 (%)	P/E	P/B	CTR YTD
1	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	4.89	120,711,430	3%	17.51	1.69	-2.08%	7.42	1.22	-0.07
2	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0.30	291,930,615	12%	18.40	0.99	3.08%	9.13	1.58	0.03
3	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	2.36	271,454,715	5%	22.39	1.41	-2.24%	7.12	1.45	-0.04
4	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	1.56	40,514,173	27%	4.45	0.44	2.11%	54.19	1.56	0.03
5	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	0.73	28,888,841	14%	10.06	3.50	21.48%	22.56	2.01	0.14
6	HDB	Ngân hàng Phát triển TP.HCM	8.11	133,140,350	5%	24.53	2.01	-10.44%	7.30	1.66	-0.87
7	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	2.03	141,298,443	4%	23.43	2.07	13.16%	12.65	2.86	0.29
8	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	10.62	209,832,748	0%	21.15	2.00	2.96%	7.57	1.46	0.30
9	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	0.68	39,000,000	5%	14.33	1.62	0.81%	6.64	0.89	0.01
10	NAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á	0.07	24,191,203	29%	19.58	1.26	-1.40%	5.36	1.03	0.00
11	OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	0.07	29,959,338	2%	12.70	1.35	-5.86%	7.01	0.86	-0.01
12	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	8.36	69,748,391	26%	19.48	1.54	-9.71%	5.56	1.03	-0.87
13	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	0.19	47,511,500	5%	14.18	1.53	-4.30%	15.66	1.18	-0.01
14	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	7.19	68,878,853	68%	13.53	5.13	-8.60%	13.89	1.74	-0.73
15	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	9.82	127,252,061	18%	7.75	0.57	16.38%	16.59	2.07	1.37
16	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	13.29	239,869,238	0%	15.85	2.39	-3.01%	9.21	1.36	-0.39
17	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	0.97	45,078,262	5%	18.53	1.60	-4.97%	6.11	1.07	-0.06
18	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	2.49	499,669,371	10%	16.38	1.54	4.00%	13.90	2.14	0.14
19	VCI	CTCP Chứng khoán Bản Việt	1.18	30,068,037	80%	8.67	4.29	2.38%	19.14	1.67	0.02
20	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	0.92	55,485,293	0%	16.36	1.43	-3.10%	7.31	1.13	-0.03
21	VIX	CTCP Chứng khoán VIX	5.61	40,919,806	58%	28.85	20.12	-12.11%	5.85	1.41	-0.43
22	VND	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	1.15	24,509,029	90%	10.52	4.46	-17.22%	11.22	1.14	-0.27
23	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	13.88	210,248,975	5%	16.44	2.22	-7.50%	8.00	1.21	-1.06

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ ETF

2. QUỸ ETF SSIAM VN30

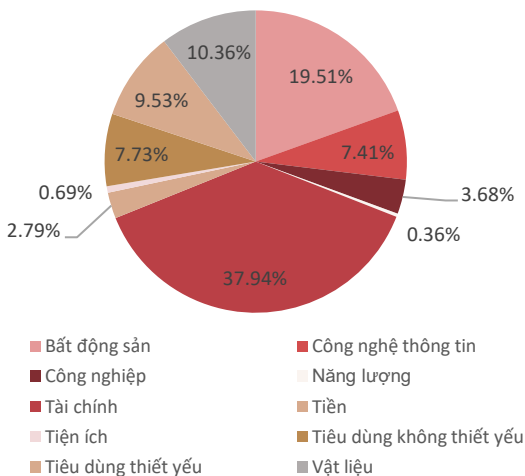
THÔNG TIN QUỸ TẠI NGÀY 30/04/2026

TÊN QUỸ	QUỸ ETF SSIAM VN30
MÃ QUỸ	FUESSV30
LOẠI HÌNH	Quỹ hoán đổi danh mục
CHỈ SỐ THAM CHIẾU	VN30 Index
NGÀY THÀNH LẬP	22/06/2020
SÀN NIÊM YẾT	Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX)
QUY MÔ QUỸ	248.49 tỷ VND (~9.50 triệu USD)
ĐẠI LÝ CHUYỂN NHƯỢNG	Tổng Công Ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam (VDSC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	Công Ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)
PHÍ QUẢN LÝ	0.55%
TỔNG SỐ LƯỢNG CQ LƯU HÀNH	9,900,000
THÀNH VIÊN LẬP QUỸ	SSI, MAS, BSC, VIETCAP, BVSC, KIS
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ	Vietcombank – Hội sở

CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	30
HỆ SỐ P/E	12.41x
HỆ SỐ P/B	2.18x

CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH



MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ ETF SSIAM VN30 hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ số VN30 trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động và đầu tư vào các cổ phiếu cấu thành chỉ số VN30. Quỹ không hướng tới đạt hiệu quả vượt trội so với chỉ số VN30 hoặc đưa các biện pháp phòng thủ khi TTCK Việt Nam giảm điểm.

Với việc đầu tư thụ động, Quỹ có thể duy trì tỷ lệ vòng quay danh mục thấp hơn các quỹ có chiến lược đầu tư chủ động, từ đó giảm chi phí hoạt động cho Quỹ.

CHỈ SỐ THAM CHIẾU – VN30 INDEX

Chỉ số VN30 là chỉ số bao gồm các cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh có giá trị vốn hóa và thanh khoản cao nhất thị trường. Chỉ số VN30 có giới hạn trọng lượng 10% đối với cổ phiếu riêng lẻ và 15% đối với nhóm cổ phiếu liên quan.

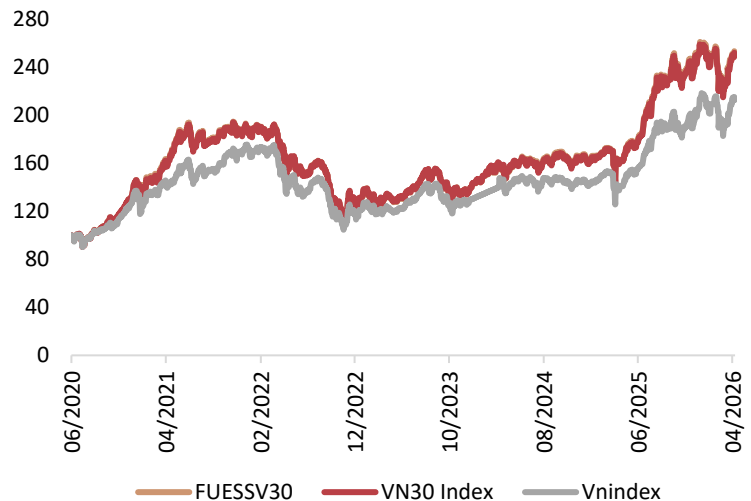
Chỉ số VN30 đại diện cho trên 60% vốn hóa thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chỉ số được xem xét điều chỉnh theo khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng định kỳ 3 tháng/lần và các cổ phiếu thành phần 6 tháng/lần.

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

	NAV/CQ (đồng)	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày thành lập (22/06/2020)
FUESSV30	25,100.37	10.47%	-0.57%	-0.72%	151.00%
VN30 Index	2,022.75	10.56%	-0.35%	-0.39%	149.73%

Dữ liệu hoạt động đề cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả trong tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.



2. QUỸ ETF SSIAM VN30 (tiếp theo)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ

Chỉ số VN30 tăng 10,56% trong tháng 4, tương ứng quỹ FUESSV30 ghi nhận mức tăng 10,47%. Tính từ đầu năm 2026, chỉ số VN30 giảm 0,39% trong khi hiệu quả hoạt động của quỹ FUESSV30 ghi nhận mức giảm 0,72%.

VN-Index tăng mạnh 10,7% trong tháng 4 với động lực chủ yếu đến từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Trong danh mục FUESSV30, nhóm bất động sản là động lực đóng góp lớn nhất, với mức đóng góp khoảng 7,68 điểm % vào hiệu quả tháng, vượt xa nhóm ngân hàng với mức đóng góp khoảng 1,51 điểm %.

(1) Sự phục hồi mạnh của các cổ phiếu bất động sản vốn hóa lớn là yếu tố dẫn dắt chính cho hiệu quả của chỉ số trong tháng.

(2) Nhóm ngân hàng cũng đóng góp tích cực, trong đó LPB, TCB, STB và HDB là các mã nổi bật, dù mức tăng bị bù trừ một phần bởi diễn biến kém tích cực hơn của MBB, SHB và ACB.

(3) Dù mức tăng của chỉ số khá mạnh, độ rộng thị trường vẫn chưa thực sự lan tỏa khi thanh khoản suy yếu và khối ngoại tiếp tục bán ròng ở nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn.

Nhờ sự phục hồi mạnh của các cổ phiếu trụ cột trong rổ chỉ số, FUESSV30 ghi nhận kết quả tích cực trong tháng 4 và tiếp tục bám sát diễn biến của chỉ số VN30.

DANH MỤC ĐẦU TƯ QUỸ (%NAV)

STT	CỔ PHIẾU	TÊN CÔNG TY	% NAV	STT	CỔ PHIẾU	TÊN CÔNG TY	% NAV
1	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	3.52	16	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	1.72
2	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0.39	17	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	0.81
3	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	1.40	18	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	1.65
4	DGC	CTCP Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	0.93	19	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	4.15
5	FPT	Công ty Cổ phần FPT	7.41	20	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	4.52
6	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam	0.69	21	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	0.85
7	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Sài Gòn	0.41	22	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	1.88
8	HDB	Ngân hàng Phát triển TPHCM	3.65	23	VHM	CTCP Vinhomes	4.80
9	HPG	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	9.02	24	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.24
10	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	4.60	25	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	12.45
11	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	3.60	26	VJC	CTCP Hàng không VietJet	3.68
12	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	5.11	27	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	3.92
13	MWG	Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	7.12	28	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	3.96
14	PLX	Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	0.36	29	VPL	CTCP Vinpearl	0.62
15	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	0.50	30	VRE	CTCP Vincom Retail	2.25

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ ETF

3. QUỸ ETF SSIAM VNX50

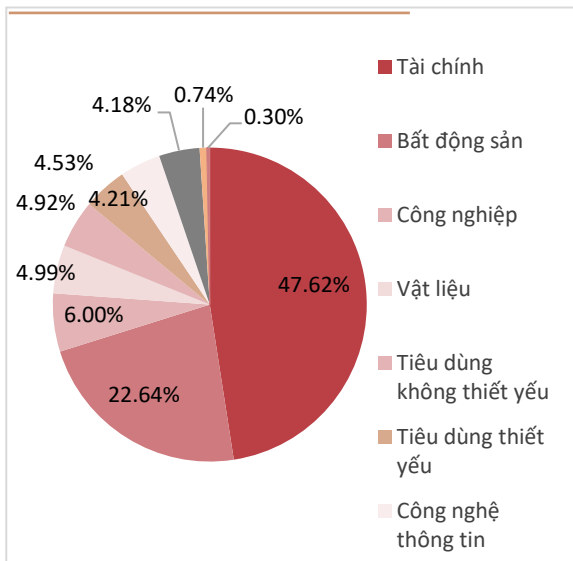
THÔNG TIN QUỸ TẠI NGÀY 30/04/2026

TÊN QUỸ	Quỹ ETF SSIAM VNX50
MÃ QUỸ	FUESSV50
LOẠI HÌNH	Quỹ hoán đổi danh mục
CHỈ SỐ THAM CHIẾU	VNX50 Index
NGÀY THÀNH LẬP	10/12/2014
SÀN NIÊM YẾT	Sở giao dịch chứng khoán TP, Hồ Chí Minh (HSX)
QUY MÔ QUỸ	155,48 tỷ VND (~5.90 triệu USD)
ĐẠI LÝ CHUYỂN NHƯỢNG	Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam (VSDC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM)
GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ	0,65%
TỔNG SỐ LƯỢNG CCQ LƯU HÀNH	5,200,000
THÀNH VIÊN LẬP QUỸ	SSI, VCBS, BVSC, MAS, VNDS, VIETCAP, KIS
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ	BIDV – Chi nhánh Hà Thành

CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	47
HỆ SỐ P/E	12.67x
HỆ SỐ P/B	2.02x

CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH



MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ ETF SSIAM VNX50 hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VNX50 trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động, Quỹ không chủ động tìm kiếm tăng trưởng cao hơn Chỉ Số Tham Chiếu, cũng như không sử dụng các biện pháp phòng thủ khi thị trường chứng khoán biến động bất lợi.

Với việc đầu tư thụ động, Quỹ có thể duy trì tỷ lệ vòng quay danh mục thấp hơn các quỹ có chiến lược đầu tư chủ động, từ đó giảm chi phí hoạt động cho Quỹ.

CHỈ SỐ THAM CHIẾU VNX50 – VNX50 INDEX

Chỉ số VNX50 là chỉ số giá bao gồm 50 mã cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng Khoán Hà Nội (HNX) và Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HSX). Chỉ số VNX50 bao gồm 50 công ty có giá trị vốn hóa, tính thanh khoản và tỷ lệ tự do chuyển nhượng hàng đầu trong rổ cổ phiếu VNX Allshare. Tỷ lệ vốn hóa tối đa áp dụng cho mỗi cổ phiếu trong Chỉ Số VNX50 là 10%. Ngày cơ sở của của chỉ số VNX50 là 21/07/2017 với điểm cơ sở là giá trị chỉ số đóng cửa của VNX Allshare ngày 21/07/2017.

Chỉ số VNX50 được xem xét điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần.

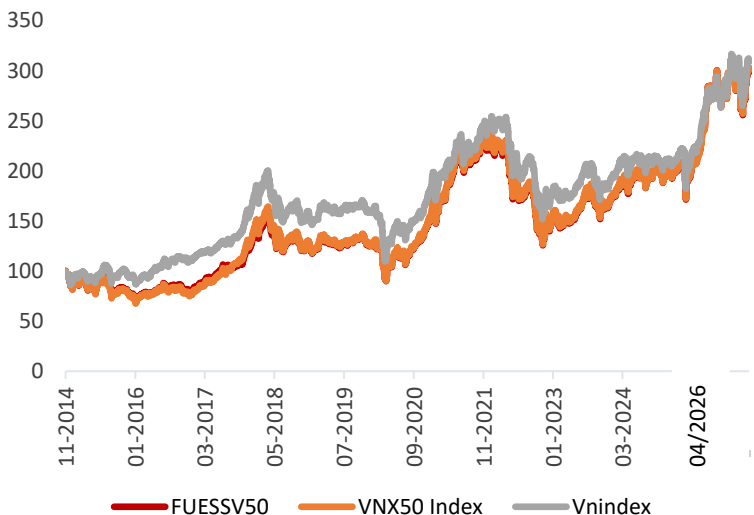
Chỉ số VNX50 đại diện cho trên 60% vốn hóa của thị trường chứng khoán Việt Nam.

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

	NAV/CCQ (đồng)	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày chuyển đổi chỉ số (24/10/2017)
FUESSV50	29,899.71	10.30%	2.31%	0.73%	179.58%
VNX50 INDEX*	3,416.43	11.37%	3.57%	2.11%	174.99%

(* Từ 17/11/2014 đến 22/8/2017, Chỉ số tham chiếu là chỉ số HNX30. Sau 22/8/2017, chỉ số tham chiếu là chỉ số VNX50. Tại ngày 24/10/2017, chứng chỉ quỹ ETF SSIAM VNX50 được niêm yết đầu tiên trên sàn HOSE.

Dữ liệu hoạt động đề cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả trong tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó, giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.



3. QUỸ ETF SSIAM VNX50 (tiếp theo)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ

Chỉ số VNX50 tăng 11,37% trong tháng 4, tương ứng quỹ FUESSV50 ghi nhận mức tăng 10,30%. Tính từ đầu năm 2026, chỉ số VNX50 tăng 2,11% trong khi hiệu quả hoạt động của quỹ FUESSV50 ghi nhận mức tăng 0,73%.

VN-Index phục hồi 10,7% trong tháng 4 nhờ sự hồi phục mạnh của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, trong khi diễn biến ở phần còn lại của thị trường vẫn phân hóa. Trong danh mục FUESSV50, nhóm ngân hàng tiếp tục là một động lực quan trọng, đóng góp khoảng 1,66 điểm % vào hiệu quả tháng, trong khi nhóm dịch vụ tài chính đóng góp thêm khoảng 0,21 điểm %.

(1) Các đóng góp tích cực nổi bật trong nhóm ngân hàng đến từ LPB, TCB, STB và HDB.

(2) Ở chiều ngược lại, EIB, SHB và MBB là những mã làm giảm bớt hiệu quả chung, cho thấy quá trình phục hồi trong ngành vẫn chưa đồng đều.

(3) Việc quỹ có mức độ phân bổ rộng hơn trên cả HOSE và HNX giúp danh mục hưởng lợi tốt từ nhịp hồi của thị trường, dù thanh khoản yếu và áp lực bán ròng của khối ngoại vẫn là các yếu tố cản trở.

Tổng thể, FUESSV50 ghi nhận mức tăng tích cực trong tháng 4 và tiếp tục bám sát chỉ số VNX50, với động lực đến từ sự phục hồi có chọn lọc của nhóm tài chính và các cổ phiếu vốn hóa lớn.

3. QUỸ ETF SSIAM VNX50 (tiếp theo)

DANH MỤC ĐẦU TƯ QUỸ (%NAV)

STT	Cổ phiếu	Tên công ty	% NAV	STT	Cổ phiếu	Tên công ty	% NAV
1	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	3.95	26	PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	0.82
2	BSR	Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	0.36	27	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	0.30
3	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	1.57	28	PVS	TCông ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	0.37
4	DCM	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	0.22	29	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	1.99
5	DGC	Công ty Cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	0.47	30	SHS	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn Hà Nội	0.54
6	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	0.28	31	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	1.86
7	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	1.25	32	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	4.66
8	FPT	Công ty Cổ phần FPT	4.21	34	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	5.08
9	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	0.53	34	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	0.95
10	GEX	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	0.92	35	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	2.12
11	GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	1.11	36	VCG	TCông ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	0.30
12	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	0.67	37	VCI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	0.81
13	HDB	Ngân hàng Phát triển TP HCM	4.10	38	VHM	Công ty Cổ phần Vinhomes	6.92
14	HPG	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	4.51	39	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.39
15	IDC	Tổng công ty IDICO - Công ty Cổ phần	0.40	40	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	11.23
16	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	0.68	41	VIX	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	1.59
17	KDH	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	0.71	42	VJC	Công ty Cổ phần Hàng không VietJet	1.85
18	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	5.17	43	VND	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	0.71
19	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	4.04	44	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	1.96
20	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	1.07	45	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	4.58
21	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	2.57	46	VPI	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú	0.38
22	MWG	Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	3.56	47	VRE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	1.13
23	NLG	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	0.42	48			
24	NVL	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	1.14	49			
25	PDR	Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	0.38	50			



KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM). Tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của SSIAM. SSIAM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

Tài liệu này không nên được sử dụng cho mục đích ghi nhận kế toán, thuế hay để đưa ra các quyết định đầu tư. Nhà Đầu Tư nên chú ý rằng kết quả hoạt động trong quá khứ không hàm ý đảm bảo cho kết quả hoạt động của Quỹ trong tương lai. Giá trị của một chứng chỉ quỹ và thu nhập của Quỹ có thể tăng hoặc giảm nên không thể được bảo đảm bởi Công Ty Quản Lý Quỹ. Trường hợp Nhà Đầu Tư nghi ngờ về quyết định đầu tư của mình thì nên tìm hiểu thêm thông tin hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia để có quyết định đầu tư thích hợp.

GIẢI THƯỞNG

TẠP CHÍ ALPHA SOUTHEAST ASIA	TẠP CHÍ THE ASSET	TẠP CHÍ ASIANINVESTOR	TẠP CHÍ ASIA ASSET MANAGEMENT
<ul style="list-style-type: none"> • “Nền tảng di động và trực tuyến tốt nhất (Công ty Quản lý Quỹ)” năm 2024 và 2025 • “Công ty Quản lý Quỹ và Tài sản tốt nhất Việt Nam” năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025 (6 năm liên tiếp) • “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam cho các Danh mục Bảo hiểm và Chương trình Hưu trí Tư nhân” năm 2020, 2021, 2023, 2024, 2025 (3 năm liên tiếp) • “Nhà Quản lý Quỹ tốt nhất (Quỹ Cân Bằng)” năm 2021 	<ul style="list-style-type: none"> • “Công ty Quản lý Quỹ của Năm” năm 2012, 2014, 2021, 2022, 2023, 2024 và 2025 (5 năm liên tiếp) • “Công ty Quản lý Quỹ nội địa của Năm” năm 2015, 2016, 2017, 2018 • “Nhà Cung cấp ETF của Năm” 2021 	<ul style="list-style-type: none"> • “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2010 • “Công ty Quản lý Quỹ nội địa tốt nhất Việt Nam” năm 2015, 2016, 2017, 2018 • “Hoạt động Phát triển Kinh doanh Tốt Nhất” năm 2022 • “Giải thưởng Thị Trường – Việt Nam” năm 2024, 2026 	<ul style="list-style-type: none"> • “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2012, 2013, 2016 • “Tổng Giám đốc của Năm” năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2020, 2022 • “Giám đốc Đầu Tư của Năm” năm 2013, 2014, 2015 • “Quỹ mới của Năm” 2020

THÔNG TIN LIÊN HỆ

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI (SSIAM)

ÔNG. NGUYỄN NGHĨA TUẤN
Phó Giám đốc phát triển kinh doanh

T: (+84) 24 3936 6321 ext 1633
M: (+84) 94 652 0788
E: tuannn@ssi.com.vn

ÔNG. NGUYỄN TRỌNG HÙNG
Phó Giám đốc đầu tư

T: (+84) 24 3936 6321
E: hungnt@ssi.com.vn